

Số: 04 /GPMT-UBND

Xuân Lộc, ngày 13 tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 925/CN-KT ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1747/TTr-TNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai có địa chỉ tại số 48, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy cấp nước Gia Ray, công suất 15.000m³/ngày.đêm” tại khu 7, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy cấp nước Gia Ray, công suất 15.000m³/ngày.đêm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu 7, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3600259296-008; đăng ký lần đầu ngày 09/02/2015, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600259296.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất là 43.797,8m², thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 15.000 m³/ngày.đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, định kỳ hút nước thải sinh hoạt trong hầm tự hoại; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép môi trường, cơ quan chức năng của địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 13 tháng 01 năm 2025 đến ngày 13 tháng 01 năm 2035).

Điều 4. Giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị trấn Gia Ray tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *th*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Phòng Văn hóa và Thông tin (cập nhật trên Trang thông tin điện tử huyện);
- Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai;
- Lưu: VT-TH (TNMT), *ml*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Linh

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(kèm theo Giấy phép môi trường số:04.....ngày.13 tháng 01 năm 2025 của
UBND huyện Xuân Lộc).

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn phát sinh số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay sau khi qua hệ thống tự hoại để xử lý và được lưu chứa tại bể tự hoại sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút xử lý định kỳ và không xả ra môi trường.

- Nguồn phát sinh số 02: Nước thải rửa lọc từ bể lọc và nước thải xả đáy từ bể lắng.

2.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải phát sinh tại cơ sở sau khi được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A; $K_q = 1,0$; $K_f = 1,1$ sẽ theo mương thoát nước thải $0,5 \times 0,6$ m đi âm dọc theo tường rào với chiều dài 150m về nguồn tiếp nhận là hồ Núi Le giáp ranh cơ sở thoát ra cửa xả (Tọa độ: $X = 1208192$; $Y = 464814$).

2.2. Vị trí xả thải:

- Tại Nhà máy cấp nước Gia Ray tổ 1, đường Huỳnh Văn Nghệ, khu 7, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: (Theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3⁰, $X = 1208192$; $Y = 464814$).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất $150 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Theo phương xả thải định kỳ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Nước thải rửa lọc được xả định kỳ 1 lần/ngày; nước thải xả đáy từ bể lắng được xả định kỳ 1-2 tháng/lần.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A; $K_q = 1,0$; $K_f = 1,1$ cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	BOD ₅	mg/l	19,8	
3	COD	mg/l	49,5	

4	Tổng chất thải rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	33	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
5	Amoni	mg/l	3,3	
6	Tổng Nitơ	mg/l	13,2	
7	Tổng Photpho	mg/l	2,64	
8	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000	
9	Clo dư	mg/l	0,66	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay sau khi qua hệ thống tự hoại để xử lý và được lưu chứa tại bể tự hoại sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút xử lý định kỳ và không xả ra môi trường.

- Nước thải rửa lọc từ bể lọc được xả định kỳ 1 lần/ngày (thời gian xả thải khoảng 30 - 40 phút) và nước thải xả đáy từ bể lắng được xả định kỳ 1-2 tháng/lần.

- Nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa đảm bảo không để nước mưa chảy qua Nhà máy cấp nước, không tắc nghẽn, thoát nước dễ dàng, không gây ú đọng ngập úng cục bộ. Định kỳ thực hiện thu gom, quét dọn bụi, chất thải trên đường không để tình trạng nước mưa cuốn các chất gây ô nhiễm môi trường.

Phụ lục 2**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(kèm theo Giấy phép môi trường số: ...**04**.....ngày **13** tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Xuân Lộc.

- Bố trí máy phát điện dự phòng vị trí thích hợp, thông thoáng có mái che, không để khí thải sinh từ máy phát điện dự phòng ảnh hưởng đến nhân viên trong nhà máy.

- Thường xuyên phun xịt sân đường giao thông và các khu vực trong nhà máy nhằm giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của phương tiện giao thông ra vào nhà máy. Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh, quét dọn, thu gom rác trong khuôn viên nhà máy.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(kèm theo Giấy phép môi trường số:04..... ngày 13 tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Xuân Lộc.

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.**

- Nguồn số 1: Trạm bơm cấp 1.
- Nguồn số 2: Cụm xử lý nước.
- Nguồn số 3: Trạm bơm cấp II.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại tọa độ (hệ VN 2000, kinh tuyến trực 107^o45', múi chiều 3^o).

- Nguồn số 1: Trạm bơm cấp 1; tọa độ X(1208172), Y(464846).
- Nguồn số 2: Cụm xử lý nước; tọa độ X(1208092), Y(464798).
- Nguồn số 3: Trạm bơm cấp II; tọa độ X(1208152), Y(464846).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT và QCVN 27:2010/BTNMT.

3.1. Tiếng ồn.

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 lượt/năm	khu vực thông thường

3.2. Độ rung.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 lượt/năm	khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN ĐỘ RUNG:

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm, không bóp còi; thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

Trạm bơm của cơ sở được thiết kế âm để hạn chế tiếng ồn do hoạt động của các máy bơm kiểm tra độ mòn, thường xuyên bôi trơn máy móc, thay thế các thiết bị hư.

Đúc móng máy đủ khối lượng tránh rung theo mặt nền; định kỳ kiểm tra bảo dưỡng các máy bơm, thiết bị khuấy trộn và vận hành đúng công suất thiết kế để giảm tiếng ồn.

Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.

Trang bị cho công nhân các vật dụng chống ồn; bố trí vành đai cây bao quanh khuôn viên nhà máy.

Máy phát điện để khu riêng biệt, cách ly với khu vực sản xuất, văn phòng; lắp đặt máy phát điện chắc chắn, có vỏ bọc chống ồn và đệm cao su chống rung.s

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG
PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(kèm theo Giấy phép môi trường số: 04, ngày 13 tháng 01 năm 2025 của
UBND huyện Xuân Lộc.*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)	Khối lượng (kg/tháng)	Ký hiệu phân loại
1	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	1	12	KS
2	Hóa chất bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 02 02	2	24	KS
3	bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	0,5	6	NH
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	1	12	NH
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	1	12	KS
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	1	12	KS
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 02	1	12	KS
Tổng			7,5	90	

1.2. Khối lượng chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng chất thải phát sinh khoảng 26.296 kg/năm.

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ bể tự hoại	685	12 05 07	TT
2	Hộp giấy, giấy văn phòng	60	18 01 05	TT-R
3	Bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp	25.500	12 10 02	TT
4	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	50	18 01 06	TT-R
5	Hộp mực in thải	01	08 02 06	TT
Tổng cộng		26.296		

1.3. Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng chất thải phát sinh khoảng 3.650 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phải được phân loại, bảo quản theo chủng loại trong các thùng chứa, bồn chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Có nhãn bao bì tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại theo danh mục; mô tả về nguy cơ dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa chất thải nguy hại.

- Chất thải nguy hại phải được chứa trong kho chứa (4 m²), kho chứa phải có mái che, tường bao quanh được phân chia khu vực hợp lý, tương ứng từng loại chất thải.

- Chất thải nguy hại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân loại, thu gom tập trung vào kho chứa.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được chứa trong kho chứa, kho chứa phải có mái che, tường bao quanh được phân chia khu vực hợp lý, tương ứng từng loại chất thải.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải sinh hoạt: Bố trí kho chứa, các thùng rác từng khu vực, loại thùng chứa có dung tích 90 lít, 120 lít để đựng chất thải sinh hoạt. Chất thải sau khi được thu gom, phân loại bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy gây ô nhiễm môi trường, khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt phải được che chắn cẩn thận, có tường bao quanh. Chất thải rắn sinh hoạt được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom định kỳ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở và đồng thời thông báo đến Ủy ban nhân dân thị trấn Gia Ray về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh (Theo khoản 4 Điều 124 và khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020).

- Có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở và gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường đến ủy ban nhân dân thị trấn Gia Ray và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Xuân Lộc (theo khoản 3 điều 110, Nghị định 08/2022/NĐ-CP).

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(kèm theo Giấy phép môi trường số ~~.04~~ ngày ~~13~~ tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Xuân Lộc.

a. Phòng chống sự cố cháy nổ

Có kế hoạch ứng phó sự cố cháy nổ, trang bị vật dụng thiết bị để ứng phó sự cháy nổ, thường xuyên tập huấn cho nhân viên làm việc trong nhà máy về công tác ứng phó sự cố cháy nổ.

b. Kho chứa chất thải

Xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, xung quanh có gờ bao để phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường. Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời. Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng đề phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.